TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Trần Đại Thắng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Hoài Ấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/HSST, ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-HS ngày 14/11/2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Minh H; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1976; Nơi sinh: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: 44/4A, Q, phường L, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể): đảng viên; Nhân viên Văn phòng Bộ Tư lệnh thuộc Bộ tham mưu, Quân chủng Phòng không – Không quân (đã bị xóa tên đảng viên và nghỉ việc trước khi xét xử). Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Minh T, sinh năm 1931 (sống); Mẹ: Trần Thị Q, sinh năm: 1938 (sống); Bị cáo có chồng (đã ly hôn) và con tên Nguyễn Quốc B, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 02/8/2019 và tạm giam đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2. Chị Trần Thị Kim M, sinh năm 1979

Trú tại: Ấp Đ, xã Đông P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Đăng H2, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Đường B, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Nguyễn Văn M1, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Số 28/11, đường B, phường 4, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Trương Minh C, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: T, Trung đoàn X, Sư 4, Quân Khu 9.

2. Ngô Hoàng Q, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Nguyễn Minh H chung sống như vợ chồng với Nguyễn Đăng H2, sinh năm 1972, nơi cư trú: T, Đ, Kim Thành, Hải Dương. Thời gian này, Nguyễn Đăng H2 đến ấp Đô, xã Đô, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang mua cam lá và sinh sống nên H thỉnh thoảng đến sống cùng với H2. Quá trình sinh sống tại xã Đ, H nhiều lần mặc quân phục, đồng thời H2 giới thiệu với những người sống lân cận, H là sĩ quan quân đội, đang công tác tại sân bay Tân Sơn Nhất. Đến khoảng tháng 7 năm 2016, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến gặp H để nhờ H xin cho con là Trương Minh C vào làm tại sân bay Tân Sơn Nhất. H đưa ra mức giá 300.000.000 đồng để C được nhận vào làm tại bộ phận an ninh, sân bay Tân Sơn Nhất, giao tiền 02 lần vào lúc nộp hồ sơ và khi nhận quyết định tuyển dụng, cam kết trong thời gian 02 tháng 15 ngày, C sẽ được tuyển dụng. H yêu cầu hồ sơ xin việc gồm: đơn xin việc, giấy khám sức khỏe, bản sao Bằng tốt nghiệp đại học của Trương Minh C, tất cả chỉ cần bản photo.

Sau khi giao hồ sơ xin việc của C cho H, do không đủ tiền, H1 thỏa thuận giao tiền nhiều lần, H đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/7/2016 đến 01/01/2017, Nguyễn Thị H1 đã giao tiền cho H 07 lần với tổng số tiền là 240.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, khoảng 05 tháng sau, Nguyễn Minh H giao cho H1 01 bản photo thông báo quyết định tuyển dụng của Cảng hàng không Việt

Nam đối với Trương Minh C và yêu cầu chờ để được nhận công việc. Đến tháng 11 năm 2016, C vẫn chưa được tuyển dụng, đồng thời trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, lúc này H1 yêu cầu dừng việc xin việc cho C, H đồng ý và trả lại hồ sơ xin việc, cam kết trả lại số tiền đã nhận.

Bên cạnh đó, trong thời gian nhận tiền của bà H1 nhưng chưa xin được việc làm cho Trương Minh C, thì ngày 30/10/2017 với cách thức như trên, H đồng ý xin việc làm cho Ngô Hoàng Q là con của Trần Thị Kim M, sinh năm 1979, đăng ký thường trú ấp Đ, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vào làm việc tại sân bay Tân Sơn Nhất. H đưa ra mức giá 180.000.000 đồng, để Q được tuyển dụng làm việc tại bộ phận An ninh soi chiếu, sân bay Tân Sơn Nhất. Thỏa thuận với bà M nhận hồ sơ xin việc và nhận tiền lần đầu là 100.000.000 đồng, trong thời gian 03 tháng, sẽ được nhận vào làm chính thức, khi nhận Quyết định tuyển dụng sẽ nhận phần tiền còn lại, đồng thời cam kết nếu không xin được việc làm sẽ hoàn lại tiền. Trần Thị Kim M đồng ý với thỏa thuận của H, trong thời gian từ ngày 30/10/2017 đến ngày 28/5/2018 bà M đã giao tiền cho H 03 lần, với tổng số tiền 135.000.000 đồng nhưng Q vẫn không được tuyển dụng như cam kết ban đầu, nên M yêu cầu ngừng xin việc và trả lại tiền, H đồng ý và hẹn đến cuối tháng 6/2018 nhưng sau đó H bỏ trốn khỏi địa phương, không trả tiền cho bà H1 và bà M như cam kết. Tổng số tiền Nguyễn Minh H chiếm đoạt của Trần Thị Kim M và Nguyễn Thị H1 là 375.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 21/CT- VKS- HCT ngày 11/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã quy kết. Bên cạnh đó bị cáo còn cho rằng, do bị cáo tin tưởng vào ông Nguyễn Văn M1 hứa với bị cáo sẽ xin việc được cho con của bị hại. Việc đưa ra giá tiền xin việc là do ông M1 ra giá và bị cáo đã thực hiện đúng với những gì ông M1 hướng dẫn, đồng thời đã giao toàn bộ 375.000.000 đồng của hai người bị hại cho ông M1. Ông M1 hứa khi xong việc sẽ trích tiền huê hồng cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tại Tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 7 đến 8 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã quy kết. Bên cạnh đó bị cáo còn cho rằng, do bị cáo tin tưởng vào ông Nguyễn Văn M1 hứa với bị cáo sẽ xin việc được cho con của bị hại. Việc đưa ra giá tiền xin việc là do ông M1 ra giá và bị cáo đã thực hiện đúng với những gì ông M1 hướng dẫn, đồng thời đã giao toàn bộ 375.000.000 đồng của hai người bị hại cho ông M1. Ông M1 hứa khi xong việc sẽ trích tiền huê hồng cho bị cáo.

[2] Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành đã làm việc với ông Nguyễn Văn M1, đồng thời cho đối chất giữa ông M1 và bị cáo. Ông M1 cho rằng không quen biết với bị cáo và cũng không có thỏa thuận gì hay nhận tiền của bị cáo, bị cáo cũng không có gì để chứng minh. Với kiến thức và kinh nghiệm làm việc của bị cáo thì không thể có việc bị cáo vội vàng tin lời của ông M1 để rồi giao nhận tiền mà không có chứng cứ, trong khi nhận tiền của người bị hại bị cáo đều làm biên nhận. Mặt khác, bị cáo cho rằng ông M1 yêu cầu bị cáo dẫn anh C lên thành phố Hồ Chí Minh để gặp ông M1, nhưng khi bị cáo cùng anh C đến thì cũng không gặp. Từ đó cho thấy lời trình bày này của bị cáo là không có cơ sở.

[3] Tại thời điểm trước khi quen biết và khi quen biết với chị H1 và chị M thì bị cáo không có chức năng, quyền hạn trong việc nhận người vào làm việc tại sân bay Tân Sơn Nhất và cũng không có khả năng làm việc đó, bản thân bị cáo biết rõ nhất và biết con của bị hại là anh C và anh Q không đủ chuẩn để vào làm tại sân bay Tân Sơn Nhất. Tuy nhiên bị cáo lại cho rằng xin được việc, đồng thời với sự ảnh hưởng từ việc mặc trang phục của bị cáo và hứa hẹn một cách cụ thể, rõ ràng để rồi tự đưa ra giá tiền xin việc đối với con chị H1 là 240.000.000 đồng và với con chị M là 180.000.000 đồng. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho những người bị hại tin tưởng để giao tiền, cụ thể là chị Hiền giao 240.000.000 đồng và chị M giao 135.000.000 đồng với mong muốn là xin được việc cho con của mình. Bị cáo hứa hẹn sau ba tháng để xin được việc, kết thúc thời gian hứa hẹn bị cáo còn tạo lòng tin cho chị H1 bằng cách sử dụng tờ giấy photo THÔNG BÁO, QUYẾT ĐỊNH TUYỂN DỤNG đối với anh C là con chị H1 và đã dẫn C lên Sân bay Tân Sơn Nhất và nói với anh C "Mai mốt con sẽ làm ở đây". Từ đó cho thấy bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để cho người bị hại tin tưởng để giao tiền cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 375.000.000 đồng của chị H1 và chị M mà bị cáo thực hiện đã cấu thành "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hành vi đó là rất nguy hiểm cho xã hội, làm giảm lòng tin trong

nhân dân nhất là lòng tin giữa người với người và giữa nhân dân với người công tác trong các cơ quan Nhà nước. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với hai người, số tiền chiếm đoạt của từng người đều đủ cấu thành tội phạm nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi chiếm đoạt tiền của người bị hại xong và không xin được việc bị cáo lại rời địa bàn huyện Châu Thành, người bị hại không liên hệ được nên đã tố giác. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ mới truy tìm được bị cáo. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là Đảng viên, là nhân viên nhà nước, cấp bậc thiếu tá. Lẽ ra bị cáo phải biết giữ gìn phẩm chất đạo đức, tính gương mẫu của người Đảng viên và giữ gìn, trân trọng tư cách của một sỹ quan quân đội với cấp bậc đó. Tuy nhiên, do sự tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật bị cáo bất chấp và đánh mất tất cả để rồi lao vào con đường phạm tội. Do đó cần có một mức án nghiêm khắc với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (có mức độ), bị cáo đã tác động người thân để bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại; cả hai bị hại đều có đơn bãi nại và tại tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời gia đình của bị cáo có công với đất nước nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Đối với tờ THÔNG BÁO, QUYẾT ĐỊNH TUYỂN DỤNG (Bl: 15), lẽ ra cơ quan tố tụng trưng cầu giám định để xác định tờ giấy này có phải của Cảng hàng không Miền Nam hay không, nếu đúng thì xem xét ai ban hành và phát hành và có hay không việc đồng phạm với bị cáo H. Còn nếu không phải thì vì đâu bị cáo có loại giấy tờ này, nếu là do bị cáo làm giả thì cần xem xét có hay không việc bị cáo có hành vi làm giả con dấu, giấy tờ của Cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên tờ THÔNG BÁO, QUYẾT ĐỊNH TUYỂN DỤNG là bảng photo, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, nên không thể thực hiện việc trưng cầu giám định, đồng thời Cơ quan điều tra đã làm việc với Cảng vụ hàng không Miền nam và các cơ quan liên quan thì Cơ quan này xác định không phát hành loại giấy tờ này và cũng không có hồ sơ xin việc của con chị H1 và con chị M. Bị cáo không trực tiếp sử dụng loại giấy tờ này để chiếm đoạt tiền của người bị hại và chỉ nhằm cũng cố lòng tin của người bị hại sau khi đã nhận tiền. Do đó Cơ quan điều tra không trưng cầu giám định là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của ông Nguyễn Đăng H2: Ông H2 và bị cáo chung sống như vợ như chồng (theo lời trình bày của bị cáo và ông H2), khi ông H2 canh tác vườn ở Đông Phước thì mới quen biết chị H1 và có nói với chị H1 về bị cáo có làm việc nhưng việc đưa ra giá tiền, lập hồ sơ và nhận tiền thì ông Hà không tham gia và không chiếm đoạt tiền của người bị hại, ông Hà cũng không dùng thủ đoạn gian dối hay giúp sức cho bị cáo. Đối với việc ông H2 có đến nhà chị H1 nhận 25.000.000 đồng để chuyển cho bị cáo là do bị cáo và chị H1 yêu cầu chuyển

khoản giùm chị H1 và ông H2 chỉ nghe nói là tiền mua quà. Tại thời điểm này ông H2 cũng không biết việc bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối và đang chiếm đoạt tiền của bị hại. Do đó Cơ quan điều tra không truy tố ông H2 là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người thân của bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại. Tại tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh H phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 02/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người thân của bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại. Tại tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CQĐT huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

Lương Phước Đại